BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

---------ꕥ📖ꕥ---------

TRẦN MINH THUẬN

KINH TẾ ĐỒN ĐIỀN Ở MIỀN TÂY NAM KỲ NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 9.22.90.13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI KHOA LỊCH SỬ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS Nguyễn Ngọc Cơ**

Phản biện 1: GS.TS Phạm Hồng Tung

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển

Phản biện 2: PGS.TS Trần Đức Cường

Viện sử học

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Ngọc Hà

Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vào hồi……ngày……..tháng……..năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo Nghị định ngày 20/12/1889 của Toàn quyền Đông Dương, miền Tây Nam Kỳ bao gồm bảy tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Sau hiệp ước Giáp Tuất (1874), Pháp đã đầu tư tài chính, phương tiện kỹ thuật để tiến hành khẩn hoang, thiết lập hệ thống đồn điền, tổ chức sản xuất nông nghiệp mà loại cây trồng quan trọng nhất là cây lúa. Nghiên cứu kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ sẽ góp phần có ý nghĩa trong việc nghiên cứu lịch sử kinh tế Việt Nam và Đông Dương, đây là hướng nghiên cứu có ý nghĩa khoa học.

Kinh tế đồn điền trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX cũng là một vấn đề mới trong lịch sử kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu về kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ để có những nhận định, đánh giá sâu sắc về công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, góp phần tìm hiểu đầy đủ hơn về chế độ thuộc địa ở Việt Nam.

Nghiên cứu kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX sẽ rút ra được những bài học kinh nghiệm trong việc quy hoạch và phát triển kinh tế nông nghiệp phù hợp với sự phát triển của Việt Nam hiện tại.

Nghiên cứu đề tài này là cơ hội để sưu tầm, nghiên cứu và lưu giữ những tài liệu lịch sử quan trọng nhằm sử dụng để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Với tất cả các lí do trên, tôi đã chọn đề tài "*Kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1900 đến năm 1945"* làm đề tài luận án tiến sĩ lịch sử.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Quá trình hình thành và phát triển của kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1900 đến năm 1945..

Phạm vi nghiên cứu:

-Phạm vi không gian: Bao gồm 7 tỉnh ở miền Tây Nam Kỳ thời Pháp thuộc là Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu.

-Phạm vi thời gian: Miền Tây Nam Kỳ trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX (1900 – 1945).

3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

- *Mục tiêu nghiên cứu:* Tổng hợp, khái quát thực trạng kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX (1900 – 1945). Luận án phân tích, đánh giá các chính sách cấp nhượng đất đai, hoạt động sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, vấn đề nhân công, tác động của kinh tế đồn điền đến tình hình kinh tế xã hội. Rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp trồng lúa ở khu vực Tây Nam Bộ trong điều kiện hiện tại.

- *Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Thứ nhất, luận án nghiên cứu khái quát về tình hình nông nghiệp và chính sách đồn điền của vương triều Nguyễn và của thực dân Pháp trước năm 1900.

Thứ hai, luận án khôi phục lại quá trình hình thành, hình thức hoạt động sản xuất, kinh doanh của kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1900 đến năm 1945.

Thứ ba, luận án nghiên cứu về nguồn nhân công đồn điền, mối quan hệ kinh tế giữa điền chủ và nhân công, các hình thức sử dụng nhân công trong các đồn điền.

Thứ tư, luận án nghiên cứu tác động của kinh tế đồn điền đến kinh tế xã hội ở miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX, những kết quả tích cực và hạn chế của đồn điền

4. Nguồn tài liệu

Tư liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh gồm những báo cáo có liên quan đến kinh tế, tổ chức sản xuất, các trại thử nghiệm lúa giống, thổ nhưỡng, thời tiết... của các tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

Các sách tham khảo, sách chuyên khảo, các công trình nghiên cứu về lịch sử kinh tế Việt Nam, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Các tờ báo, tạp chí chuyên về kinh tế Đông Dương và Nam Kỳ trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX.

Các bài báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành, các luận án tiến sĩ nghiên cứu về kinh tế nông nghiệp Việt Nam và Đông Dương thời thuộc địa.

Tài liệu tham khảo trên Internet gồm các bài viết trên các trang wed uy tín. Đây nguồn tài liệu giúp cho luận án thêm phong phú, sinh động về nội dung, các biểu bảng, hình ảnh lịch sử...

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luận án.

Luận án đã sử dụng phương pháp luận sử học Mác xít với quan điểm nền tảng là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Luận án đã kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như phương pháp lịch sử, phương pháp logic và phương pháp nghiên cứu liên ngành như thống kê, tổng hợp, khái quát, so sánh...

6. Đóng góp của luận án

Công trình nghiên cứu trình bày tương đối đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về quá trình thành lập và phát triển của kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX. Từ đó rút ra những đặc điểm và tác động của đồn điền đối với kinh tế, xã hội của khu vực này.

Góp phần vào việc đánh giá vai trò của chính quyền thuộc địa, của giai cấp nông dân và tầng lớp điền chủ đối với hệ thống kinh tế đồn điền; những tác động của khoa học kỹ thuật, hình thức tổ chức sản xuất trong các đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1900 đến năm 1945.

Luận án góp phần bổ sung các nguồn tư liệu có liên quan đến kinh tế Việt Nam thời thuộc địa, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất những kiến nghị nhằm góp phần xây dựng và phát triển kinh tế vùng đất Tây Nam Bộ hiện nay.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, phần nội dung của luận án gồm có 5 chương:

Chương 1.Tổng quan tình hình nghiên cứu và tài liệu có liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2.Kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1900 đến năm 1918.

Chương 3. Kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1919 đến năm 1945.

Chương 4. Đặc điểm và tác động của hệ thống đồn điền đối với kinh tế xã hội miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG NGUỒN TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN

1. Những công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài

Những ấn phẩm của Hội nghiên cứu Đông Dương (Publications de la société des études Indo-Chinoises) viết về lịch sử, địa lý, kinh tế... các tỉnh Nam Kỳ đầu thế kỉ XX. Trong đó ở khu vực miền Tây Nam Kỳ có 5 chuyên khảo về các tỉnh Hà Tiên (1901), Châu Đốc (1902), Cần Thơ (1904), Sóc Trăng (1904), Long Xuyên (1905).

Tài liệu *Note sur les anciens Don Dien Annamites dans la Basse-Cochinchine* (Chú thích về đồn điền cũ của An Nam tại Nam Kỳ) của E.Deschaseaux in tại Sài Gòn năm 1889.

Năm 1911, quyển sách *Paddys et Riz de Cochinchine* (Lúa gạo ở Nam Kỳ) của Albert Coquerel được xuất bản ở Lyon, Pháp.

Năm 1931, công trình *Indochine Française* (Xứ Đông Dương thuộc Pháp) của Henri Russier xuất bản tại Paris.

Năm 1931, tổ chức *Exposition coloniale internationale* đã cho in hai quyển sách *La Cochinchine* (Xứ Nam Kỳ) và *Rizicuture en Indochine* (Việc trồng lúa ở Đông Dương), xuất bản ở Paris.

Năm 1932, công trình nghiên cứu *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương* của Y.Henry xuất bản tại Hà Nội, Hoàng Đình Bình dịch sang tiếng Việt.

Năm 1934, André Hibon, *La crise économique en Indochine* (Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Đông Dương), xuất bản tại Paris.

Năm 1994, nhóm dịch giả Công trình được các dịch giả Đinh Xuân Lâm, Ngô Thị Chính, Hồ Song, Phạm Quang Trung đã dịch tác phẩm *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859-1939)* của tác giả Jean Pierre Aumiphin. sang tiếng Việt, Hội khoa học lịch sử Việt Nam xuất bản.

Năm 1994, hai tác giả người Pháp là Pierre Brocheux và Daniel Hémery đã cho xuất bản quyển sách *Indochine, la colonisation ambiguë 1858 – 1945* (Đông Dương, thuộc địa mơ hồ 1858 – 1954).

1.2. Những công trình nghiên cứu của tác giả trong nước

Năm 1930, Tô Văn Qua viết quyển sách *Điền thổ trong xứ Nam Kỳ* do Nhựt Văn Châu Đốc phát hành.

Bài báo *Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ trong thời kỳ đế quốc Pháp thống trị*, của tác giả Trần Ngọc Định đăng trên Tạp chí nghiên cứu lịch sử, số 132, xuất bản năm 1970.

Năm 1957, Nguyễn Khắc Đạm đã cho xuất bản công trình nghiên cứu với tiêu đề quyển sách *Những thủ đoạn bóc lột của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam*, nhà xuất bản Văn Sử Địa.

Năm 1967, tác giả Phạm Cao Dương đã cho in quyển sách với tiêu đề *Thực trạng của giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*, do nhà xuất bản Khai Trí phát hành tại Sài Gòn.

Năm 1970, Nguyễn Thế Anh xuất bản quyển sách *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, do nhà xuất bản Lửa Thiêng in tại Sài Gòn và được nhà xuất bản Văn học in lại năm 2008.

Quyển sách *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn* của Nguyễn Thế Anh xuất bản tại Sài Gòn trước năm 1975, nhà xuất bản Văn học in lại năm 2008.

Năm 1983, Ngô Văn Hòa đã đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 5 (212) bài báo khoa học *Tổ chức quản lý xã thôn và cộng đồng làng xã ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc*.

Phạm Quang Trung đã cho đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6 (225) năm 1985, bài viết *Về chính sách vơ vét lúa gạo của tư bản Pháp và quá trình phát triển của giai cấp địa chủ ở Nam Bộ thời Pháp thuộc*. Năm 1993, tác giả Phạm Quang Trung cho đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1 (226), bài báo *Vấn đề mắc nợ đất đai ở Nam Kỳ dưới thời Pháp thuộc*.

Năm 1994, tác giả Vũ Huy Phúc đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2 (274), bài báo *Đồn điền - một loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp quan trọng nửa đầu thế kỉ XIX*.

Năm 1997, các tác giả Đỗ Bang, Trương Hữu Quýnh đã cho in quyển sách *Tình hình ruộng đất nông nghiệp và đời sống nhân dân dưới triều Nguyễn*, do nhà xuất bản Thuận Hóa phát hành.

Năm 2004, Nguyễn Văn Khánh tái bản quyển sách *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945),* do nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội phát hành.

Năm 2004, tác giả Nguyễn Phan Quang ra mắt quyển sách *Thị trường lúa gạo Nam Kỳ 1860-1945,* Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

Các luận án có liên quan đến đề tài:

Năm 1995, luận án tiến sĩ *Tình hình kinh tế An Giang thời Pháp thuộc (1867-1929)* của tác giả Võ Thị Hồng đã bảo vệ tại Viện khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1997, luận án tiến sĩ *Kinh tế Hà Tiên-Rạch Giá thời Pháp thuộc (1867-1939)* của Nguyễn Thùy Dương đã bảo vệ tại Viện khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1998, luận án tiến sĩ *Kinh tế Sóc Trăng thời Pháp thuộc 1867-1945* của Trần Thị Mai bảo vệ tại Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2003, luận án tiến sĩ *Cảng Sài Gòn và biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc (giai đoạn 1860-1939)* của Lê Huỳnh Hoa, đã bảo vệ thành công tại Viện khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Những kết quả nghiên cứu được luận án kế thừa và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Những kết quả nghiên cứu được luận án kế thừa:

Thứ nhất, những công trình viết về Đông Dương đặc biệt là về kinh tế nông nghiệp ở khu vực này đã cung cấp hướng tiếp cận tổng quan của đề tài.

Thứ hai, các công trình viết về kinh tế nông nghiệp ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Những công trình này thường tiếp cận theo hướng trình bày các hoạt động sản xuất nông nghiệp như cách thức làm đất, cấy lúa, bón phân, thu hoạch... Đời sống của giới điền chủ lớn ở Nam Kỳ, tình cảnh các tầng lớp nông dân tá điền, coolie...

Thứ ba, những bài báo khoa học trình bày những vấn đề cụ thể như việc sở hữu đất đai, mối quan hệ kinh tế giữa điền chủ và lực lượng nhân công trong các đồn điền, các chính sách cấp nhượng đất đai lập đồn điền của thực dân Pháp... là những công trình chi tiết, cụ thể một về vấn đề.

Thứ tư, những quyển sách, luận án về kinh tế nông nghiệp, về đồn điền ở các khu vực Bắc Kỳ và Trung Kỳ đã được một số tác giả nghiên cứu. Luận án kế thừa những kết quả nghiên cứu về kinh tế đồn điền ở hai khu vực này để so sánh tất cả những vấn đề có liên quan đến kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ.

Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu:

Thứ nhất, luận án tập trung nghiên cứu, phân tích và đánh giá những chính sách kinh tế đồn điền của vương triều Nguyễn thực hiện ở Nam Kỳ.

Thứ hai, luận án nghiên cứu những chính sách về kinh tế xã hội mà thực dân Pháp đã tiến hành ở Đông Dương và Nam Kỳ.

Thứ ba, luận án tập trung nghiên cứu những hoạt động kinh tế trong các đồn điền như kỹ thuật sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, việc kinh doanh lúa gạo từ năm 1900 đến năm 1945 .

Thứ tư, luận án quan tâm nghiên cứu đời sống người nông dân tá điền và nhân công làm thuê trong các đồn điền trồng lúa.

Thứ năm, luận án nghiên cứu về những đặc điểm và tác động của kinh tế đồn điền đến xã hội miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX.

Chương 2

KINH TẾ ĐỒN ĐIỀN Ở MIỀN TÂY NAM KỲ TỪ NĂM 1900 ĐẾN NĂM 1918

2.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lí: Theo bản đồ người Pháp vẽ năm 1883, cực Đông nằm ở vị trí 106, 30 độ Đông, 09, 36 độ Bắc; cực Tây nằm ở vị trí 104, 25 độ Đông, 10,25 độ Bắc; cực Nam nằm ở vị trí 104, 54 độ Đông, 8, 34 độ Bắc; cực Bắc nằm ở vị trí 105, 29 độ Đông, 10, 59 độ Bắc.

Địa giới hành chính: Từ năm 1900 đến năm 1945, khu vực này gồm có bảy tỉnh: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu.

Địa hình: Địa hình đồng bằng châu thổ, đất đai bằng phẳng, có chế độ lũ ngập hàng, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Tuy nhiên, một số vùng tiếp giáp với biển bị xâm nhập mặn.

Khí hậu: **N**hiệt độ ở Nam Kỳ thường cao quanh năm. Tuy nhiên, với trữ lượng nước ngọt lớn, các tỉnh này không lệ thuộc nhiều vào lượng mưa và số ngày mưa trong năm. Việc trồng lúa ở đây chủ yếu dựa vào nguồn nước ngọt và phù sa do sông Hậu cung cấp.

Thổ nhưỡng: Có nhiều nhóm đất, đất phù sa, đất phèn, đất mặn, đất cát. Nhìn chung đất đai màu mỡ, rất thuận lợi cho ngành nông nghiệp trồng lúa.

Sông ngòi: Miền Tây Nam Kỳ chủ yếu được cung cấp nước ngọt từ Sông Hậu chảy ra biển qua ba cửa Định An, Bassac và Tranh Đề. Những kênh đào cũng góp phần trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp và giao thông vận tải.

2.1.2. Điều kiện xã hội

Miền Tây Nam Kỳ trong những năm đầu thế kỉ XX là vùng đất mới đang chờ đầu tư, khai thác. Cùng với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, những đợt di dân về

miền Tây cũng diễn ra nhiều và tốc độ nhanh hơn. Điều này làm cho dân số ở miền Tây Nam Kỳ có sự thay đổi rõ rệt so với những năm cuối thế kỉ XIX.

2.2. Tình hình ruộng đất và kinh tế đồn điền trước năm 1900

2.2.1.Tình hình ruộng đất

Quá trình khẩn hoang: Công cuộc mộ dân khẩn hoang tiến hành dần xuống miền Tây, vùng Hậu Giang được các vua nhà Nguyễn chú trọng đặc biệt vì đất đai màu mỡ, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp. Khi chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ, Pháp tiến hành phát triển hệ thống kênh đào để lập đồn điền. Năm 1897, Paul Doumer sang làm Toàn quyền Đông, việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở khu vực này được quan tâm đặc biệt. Đất trồng lúa tăng nhanh nhờ hệ thống kênh đào, tình hình sở hữu ruộng đất ở miền Tây Nam Kỳ đã có những biến đổi nhất định

Tình hình sở hữu ruộng đất: Nhà Nguyễn đẩy mạnh tốc độ khẩn hoang, từ đời Gia Long đến đời vua Tự Đức, việc khẩn hoang Nam Bộ đã đem lại những thành tựu hết sức to lớn. Diện tích đất trồng trọt tăng lên nhanh chóng, tình hình kinh tế, xã hội cũng có những chuyển biến mới. Ngay khi hoàn thành công cuộc xâm lược, thực dân Pháp đã ép triều đình nhà Nguyễn phải nhượng quyền "khai khẩn đất hoang". Ruộng đất thuộc quyền sở của các giai tầng ở Nam Kỳ bị thu hẹp dần, đất đai thuộc quyền sở hữu của tư bản Pháp tăng lên nhanh chóng.

2.2.2. Kinh tế đồn điền

Đồn điền vốn là một thứ ruộng do binh lính nhà nước khai phá và canh tác. Đồn điền này tổ chức theo thể thức quân đội, nhưng chủ yếu là sản xuất chứ không phải để chiến đấu. Đồn điền ở Nam Kỳ bắt đầu phát triển mạnh mẽ trong thời gian cai trị của các vua đầu nhà Nguyễn, nhất là dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Kinh tế đồn điền dưới triều Nguyễn đã đem lại những lợi ích đối với cuộc sống của người nông dân Nam Kỳ.

Sau khi chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, thực dân Pháp giải toán các đồn điền nhà Nguyễn. Công cuộc khẩn hoang lập đồn điền của nhà Nguyễn ở Nam Kỳ đến đây

kết thúc. Thực dân Pháp bắt đầu thực hiện những kế hoạch để phát triển kinh tế nông nghiệp ở vùng đất vừa chiếm được.

2.3.Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ từ năm 1900 đến năm 1918.

2.3.1.Chính sách kinh tế của Chính quyền thuộc địa

Việc đầu tư mạnh mẽ tài chính vào miền Tây Nam Kỳ đã làm cho quá trình sở hữu ruộng đất và sự phát triển kinh tế có những chuyển biến mới.

Điều kiện thổ nhưỡng ở miền Tây Nam Kỳ phù hợp với ngành nông nghiệp trồng lúa nên hầu hết các đồn điền ở đây đều sản xuất một loại hàng hóa là lúa gạo. Đến năm 1910, theo thống kê của người Pháp, dân số ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ vẫn chưa được 1 triệu người. Quá trình tập trung ruộng đất lớn của địa chủ diễn ra với một tốc độ rất nhanh. Giai cấp nông dân ngày càng có nguy cơ mất đi những mảnh đất của mình, trở thành tá điền hoặc nhân công làm việc trong các đồn điền.

Quá trình đầu tư vốn của nhà nước Pháp cũng như nguồn vốn tư nhân nước ngoài bắt đầu đổ vào Nam Kỳ. Ngân hàng Đông Dương có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế đồn điền ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Những hoạt động sản xuất trong các đồn điền cũng đem lại những hiệu quả nhất định về kinh tế cho thực dân Pháp.

2.3.2. Quy chế cấp nhượng đất đai, đầu tư cơ sở hạ tầng và bước đầu phát triển của kinh tế đồn điền

Đầu thế kỉ XX, chính quyền thuộc địa bắt đầu thực hiện những chính sách trong việc cấp phát đất đai và thiết lập hệ thống đồn điền ở Nam Kỳ. Nếu tính riêng đồn điền do người Pháp sở hữu thì năm 1900 tổng diện tích là 322.000 ha, trong đó ở Nam Kỳ là 78.000 ha. Chính quyền thuộc địa phải ban hành nhiều sắc lệnh liên quan đến việc cấp phát đất đai mới như Nghị định ngày 27/12/1913, Nghị định ngày 11/11/1914.

Hệ thống kênh đào giữ vai trò quan trọng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở miền Tây Nam Kỳ do Toàn quyền Paul Doumer tiến hành. Kênh đào đến

đâu đồn điền được lập ra đến đấy. Đường bộ nối liền các tỉnh ngày càng được xây dựng hoàn thiện hơn. Việc giao thông đường thuỷ và đường bộ được đầu tư ngày càng hoàn chỉnh đã tạo điều kiện cho việc khẩn hoang, thiết lập hệ thống đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ.

Ở tỉnh Rạch Giá nhiều đồn điền lớn của người Pháp được thành lập. Ở Cần Thơ có hai đồn điền lớn là Xà No và Cờ Đỏ, ở tỉnh Bạc Liêu các đồn điền trồng lúa lớn thuộc sở hữu của điền chủ người Việt.

2.4. Vấn đề nhân công, hoạt động sản xuất và kinh doanh trong các đồn điền

2.4.1. Nguồn nhân công

Về nguồn gốc xuất thân: Thứ nhất, nguồn nhân công từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào theo sự chiêu mộ của chính quyền thuộc địa và các chủ đồn điền. Thứ hai, nguồn nhân công ở miền Tây Nam Kỳ và các tỉnh lân cận.

Về số lượng nhân công: Nguồn nhân công có xuất thân từ nhiều vùng miền khác nhau, thực dân Pháp ở Đông Dương có chính sách chiêu mộ nhân công từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào khu vực miền Tây nhưng thực tế số lượng rất ít và họ cũng không ở lại lâu. Nguồn nhân công chủ yếu là người địa phương và các tỉnh lân cận. Lực lượng này cư trú lâu đời ở Nam Kỳ và có kinh nghiệm khẩn hoang và sản xuất nông nghiệp.

2.4.2. Kỹ thuật sản xuất

Kỹ thuật sản xuất là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển trong hoạt động của hệ thống đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ. Vấn đề lúa giống, việc sử dụng phân bón, các công đoạn của một mùa vụ... là những điều kiện đảm bảo hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất. Nông dân ở Nam Kỳ đã tiến hành trồng nhiều giống lúa phù hợp với các vùng đất có điều kiện tự nhiên khác nhau, đặc biệt là các giống lúa nổi ở những vùng ngập lụt. Để nâng cao chất lượng các giống lúa, nhiều trạm thí nghiệm nông nghiệp được thành lập ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ

Quá trình tiến hành sản xuất của đảm bảo những kỹ thuật cần thiết cho từng công đoạn khác nhau. Ở miền Tây Nam Kỳ, ruộng thấp chiếm đa số, nhiều thửa

ruộng ngập nước thường xuyên nên kỹ thuật canh tác cũng khác so với các loại ruộng cao. Người nông dân gieo mạ cho lớn lên, thời gian từ 45 đến 60 ngày rồi nhổ mạ và cấy lại

2.4.3. Quan hệ kinh tế giữa điền chủ và nhân công đồn điền

Thứ nhất là việc sử dụng công nhân ăn lương. Hình thức này được sử dụng khá nhiều vì nguồn nhân công không ổn định, thường khan hiếm khi vào mùa gặt, có những người làm ăn công theo việc trong những lúc rảnh rỗi. Phương thức trả công cho nhân công ở các đồn điền miền Tây cũng khá phức tạp. Thông thường có hai loại, một là công nhân thường trực làm công theo năm, hai là những người công nhân tạm thời trả lương công nhật.

Thứ hai là hình thức sử dụng người nông dân lĩnh canh. Hình thức này cũng không được sử dụng nhiều vì người nông dân phải có vốn để thuê đất, tất cả các chi phí trong quá trình sản xuất và cả thuế họ cũng phải đóng. Nếu mùa màng thất bát thì họ không đủ tiền để trả cho điền chủ, lại phải vay nợ cho mùa sau.

Thứ ba là hình thức sử dụng người cấy rẽ hay còn gọi là phát canh thu tô. Điểm đặc biệt của hình thức này ở miền Tây Nam Kỳ là có những người nông dân có đất canh tác nhưng cũng nhận lĩnh canh thêm đất của điền chủ. Hoặc có những người trung gian nhận đất của điền chủ với một mức địa tô nhất định rồi cho nông dân lĩnh canh với mức địa tô cao hơn để hưởng chênh lệch.

2.4.4.Việc xuất khẩu lúa gạo

Những năm đầu thế kỉ XX này đã trở thành một trong những trung tâm sản xuất và xuất khẩu lúa gạo hàng đầu trên thế giới, năm 1910 xuất khẩu 2.169.740 tấn gạo. Đồn điền ở đây hầu như chỉ sản xuất một mặt hàng duy nhất là lúa gạo, chỉ có tỉnh Hà Tiên có vài đồn điền trồng tiêu nhưng với quy mô không đáng kể.

Chương 3

KINH TẾ ĐỒN ĐIỀN Ở MIỀN TÂY NAM KỲ TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1945

3.1. Chính sách phát triển kinh tế đồn điền của thực dân Pháp

3.1.1.Đầu tư vốn

Mục đích quan trọng nhất của đợt khai thác thuộc địa này nhằm khắc phục hậu quả sau chiến tranh, bù đắp những tổn thất của nước Pháp khi chiến tranh kết thúc. Sự phát triển của ngân hàng Đông Dương tác động và chi phối ngành kinh tế nông nghiệp. Ở miền Tây Nam Kỳ, nhiều điền chủ lớn đã vay tiền của ngân hàng Đông Dương để tiến hành sản xuất kinh tế nông nghiệp.

Giai đoạn đầu tư nhiều nhất là từ năm 1920 đến năm 1930. Sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến miền Tây Nam Kỳ. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế, Pháp đã đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tập trung tài chính cho việc phát triển các đồn điền trồng lúa ở đây.

3.1.2.Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và công cuộc khẩn hoang

Ngoài đào thêm những kênh đào mới, việc nạo vét mở rộng hệ thống kênh đào cũ được chú trọng. Những kênh đào chiến lược trong giai đoạn này là kênh Rạch Giá – Hà Tiên, kênh Bạc Liêu – Cà Mau, kênh Quan Lộ – Phụng Hiệp. Năm 1930, những vùng đất tốt cơ bản đã khẩn hoang xong, kinh tế đồn điền phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, việc đào kênh trong những năm giữa thế kỉ XX đã không còn cấp bách và tốn kém nhiều tiền bạc so với những giai đoạn trước. Nhiều nhà máy xay xát lúa gạo, nhiều tàu lớn vẫn chuyển lúa gạo hoạt động sôi nổi.

3.1.3. Quy chế cấp nhượng đất đai và sự phát triển của kinh tế đồn điền

Ngày 26/11/1918, thực dân Pháp lại ra một nghị định mới nhằm bổ sung cho nghị định ngày 27/12/1913. Điểm quan trọng nhất của nghị định này nhằm hạn chế việc tập trung ruộng đất lớn vào tay một số người. Năm 1925, số đơn xin cấp phát

diện tích đồn điền cấp phát lên đến 50.000 ha. Ngày 19/09/1926, một nghị định mới ra đời để điều chỉnh những quy định trong sắc luật ngày 27/12/1913. Ngày 4/11/1928, Toàn quyền Đông Dương lại ra một sắc luật mới nhằm hạn chế sự phát triển ồ ạt của đồn điền dẫn đến nhiều vấn đề phức tạp khác.

Về vấn đề sở hữu ruộng đất, diện tích đất canh tác tăng nhanh và mức độ tập trung ruộng đất vào tay tầng lớp điền chủ diễn ra mạnh mẽ. Các điền chủ sở hữu từ 50 đến 100 ha, từ 200 đến 500 ha và trên 500 ha đều có tỉ lệ cao, nhất là ở tỉnh Bạc Liêu. Đầu những năm 1930, đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ thuộc sở hữu của một số công ty Pháp và các điền chủ người Pháp có diện tích lên đến hàng nghìn ha. Trong những năm diễn ra chiến tranh thế giới lần thứ hai, tình hình sở hữu ruộng đất và hoạt động của kinh tế đồn điền trồng lúa ở miền Tây Nam Kỳ cũng có những biến động. Tuy nhiên, sự biến động này không lớn và khu vực này vẫn là trung tâm sản xuất lúa quan trọng của Đông Dương.

3.2. Hoạt động sản xuất và kinh doanh trong các đồn điền

3.2.1. Về vấn đề nhân công

Nguồn nhân công chính vẫn là những người nông dân tá điền ở Nam Kỳ. Quan hệ kinh tế phổ biến nhất trong các đồn điền vẫn là phương thức phát canh thu tô. Số lượng người gốc Bắc Kỳ và Trung Kỳ có mặt ở bảy tỉnh miền Tây Nam Kỳ rất ít và cũng không ở lại lâu. Số lượng nhân công làm việc trong các đồn điền cũng luôn có sự biến động liên tục vì nhiều lí do khác nhau. Chẳng hạn, người nông dân tá điền không chịu nổi sự bóc lột bỏ trốn khỏi các đồn điền, tập trung lên các đô thị để trở thành công nhân. Hoặc nếu như đã mắc nợ điền chủ nhiều quá, họ trốn sang những đồn điền khác để xin làm công. Vùng cực Tây xa xôi nên việc kiểm tra nhân thân của người đi làm công còn sơ sài, thậm chí họ biết rõ nhưng vẫn nhận vào làm khi nguồn nhân công khan hiếm.

3.2.2. Hình thức tổ chức sản xuất và kỹ thuật sản xuất

Tư sản Pháp và điền chủ người Việt tổ chức hoạt động kinh doanh theo lối TBCN nhưng vẫn giữ lại cách thu địa tô theo kiểu phong kiến cổ truyền ở Việt Nam. Ở những đồn điền lớn, điền chủ Pháp không trực tiếp quản lí mà giao lại cho những người bao

lãnh trung gian thuê. Những người trung gian này cho nông dân tá điền thuê lại với mức địa tô cao hơn.

Nhiều cải tiến về phương pháp và kỹ thuật canh tác: thay đổi cách cày bừa; cấy lúa theo đúng cự ly; đập lúa trong sọt; các hình thức bảo quản lúa; đưa máy móc vào trong các đồn điền... Ngay những năm đầu của thế kỉ XX, tư sản Pháp đã đưa máy cày và nhiều phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại lúc bấy giờ vào đồng ruộng. Nhiều trại thí nghiệm giống ở các tỉnh được thành lập để lai tạo, cải thiện năng suất, chất lượng lúa gạo.

3.2.3.Quan hệ kinh tế giữa điền chủ và nhân công đồn điền

Thứ nhất là nguồn nhân công thường trực: Đây là nguồn nhân công làm thuê được trả công chủ yếu bằng tiền tùy theo mức độ công việc và sự thỏa thuận giữa điền chủ và người làm thuê.

Thứ hai là hình thức làm công theo mùa: Làm công theo mùa tức là họ có thể làm những công việc cụ thể và được trả công dứt điểm khi hoàn thành công việc ấy hoặc có thể thỏa thuận nhận đất của điền chủ để làm việc theo từng mùa và tầng lớp điền chủ có nhiều cách trả thù lao cho họ, chứ không phải chỉ có trả bằng tiền. Nếu nguồn nhân công là người ở tại địa phương thì phương thức trả công cũng đa dạng và linh hoạt hơn.

Thứ ba là hình thức tá điền thuê ruộng: Đây là hình thức phát canh thu tô, sử dụng phổ biến và có tính ổn định nhất đối với khu vực miền Tây Nam Kỳ. Những người nông dân tá điền nhận phát canh thu tô từ đất của điền chủ thường đóng địa tô bằng lúa. Năm 1930, miền Tây Nam Kỳ có khoảng 160 đại điền chủ sở hữu từ 500 ha trở lên so với dân số khoảng trên 1,3 triệu người.

3.2.4.Việc xuất khẩu lúa gạo

Năm 1920, ở Nam Kỳ diện tích trồng lúa là 1.939.000 ha thì số lúa gạo xuất cảng là 1.189.000 tấn; năm 1928 diện tích trồng lúa là 2.114.000 ha thì số lượng lúa gạo xuất cảng là 1.797.000 tấn. Năm 1931,các tỉnh trồng lúa nhiều nhất là ở miền Tây Nam Kỳ, đặc biệt là Sóc Trăng và Cần Thơ, sản lượng hàng năm của mỗi tỉnh đều trên 300.000 tấn. Tiếp theo là Rạch Giá và Bạc Liêu với sản lượng hàng năm từ 120.000 đến 150.000

tấn. Số lượng lúa gạo xuất khẩu của Đông Dương so với các khu vực khác cho thấy trung bình từ năm 1927 đến năm 1931 là 1.390.000 tấn, phần lớn sản lược lúa gạo được xuất khẩu ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Những mặt hàng xuất khẩu từ lúa gạo có thể là thóc, gạo cagro, gạo nguyên, gạo tấm, bột gạo....

Chương 4

ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỒN ĐIỀN ĐỐI VỚI KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN TÂY NAM KỲ NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

4.1. Đặc điểm của kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ

4.1.1. Sở hữu hữu ruộng đất lớn của hệ thống đồn điền

Nhiều điền chủ lớn với diện tích lên đến hàng nghìn ha. Theo Y. Henry, năm 1930, tầng lớp điền chủ lớn ở Nam Kỳ (những người sở hữu từ 50 ha trở lên) chiếm khoảng 2,5% tổng số điền chủ và chiếm đến 45,5% tổng số diện tích đất canh tác lúa. Năm 1936, ở các tỉnh miền Tây có 193 đại điền chủ có trên 500 ha đất canh tác, trong số này có 4 điền chủ sở hữu trên 4.000 ha đất canh tác. Nhìn chung, các đồn điền trồng lúa ở miền Tây Nam Kỳ có diện tích lớn hơn nhiều so với đồn điền ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

4.1.2. Sản xuất trong các đồn điền chủ yếu là lúa gạo

Điều kiện tự nhiên, khí hậu ở miền Tây Nam Kỳ thích hợp nhất cho việc trồng lúa. Hầu như tất cả các đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ đều sản xuất và kinh doanh một mặt hàng duy nhất là lúa gạo. Đây là điểm khác nhau với các đồn điền ở miền Đông Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ vốn sản xuất và kinh doanh nhiều loại cây trồng như cà phê, chè, thuốc lá, bông gòn, mía, chăn nuôi gia súc...ngoài cây lúa.

4.1.3. Khoa học kỹ thuật được áp dụng phổ biến trong đồn điền

Thành quả của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất được tư sản Pháp đem vào sử dụng ở miền Tây Nam Kỳ, đó là những chiếc xáng múc đào kênh, những máy cày, máy bơm nước...Một số điền chủ có tàu lớn, tự mình vận chuyển lúa gạo lên Sài Gòn để xuất khẩu, đầu tư các nhà máy để chế biến lúa gạo. Những yếu tố kỹ thuật làm cho kinh tế đồn điền phát triển nhanh chóng.

4.1.4. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất phong kiến song song tồn tại

Hình thức sử dụng nhân công làm việc trong các đồn điền được trả lương công nhật, lương tháng...được thực hiện chủ yếu trong các đồn điền của người Pháp. Tuy nhiên, phần lớn các đồn điền đều thực hiện phát canh thu tô kiểu phong kiến. Hình thức này đảm bảo lợi nhuận cao và việc quản lí dễ dàng nên được nhiều điền chủ lựa chọn, nhất là các điền chủ người Việt.

4.2. Tác động của kinh tế đồn điền đối với kinh tế - xã hội miền Tây Nam Kỳ

4.2.1. Về kinh tế

Nông nghiệp: Nền kinh tế nông nghiệp truyền thống thay đổi theo xu hướng mới, những yếu tố khoa học kỹ thuật được chú trọng đưa vào sản xuất. Điều đó đã tạo ra một sự chuyển biến quan trọng trong kinh tế nông nghiệp ở miền Tây Nam Kỳ.

Công nghiệp: Ngành kinh tế công nghiệp quan trọng nhất ở miền Tây Nam Kỳ là xay xát lúa gạo. Công nghiệp nhẹ đòi hỏi các nhà tư sản bỏ ít vốn nhưng khả năng thu hồi nhanh.

Thương nghiệp: Kinh tế đồn điền phát triển đã xuất hiện một tầng lớp phi nông nghiệp, thực hiện một khâu trung gian giữa sản xuất và buôn bán, trao đổi hàng hoá. Hàng hóa chủ yếu vẫn là lúa gạo. Họ mua lúa từ các đồn điền, vận chuyển lên Sài Gòn bán lại. Tỉnh Cần Thơ là đầu mối thu gom lúa gạo ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

4.2.2. Về xã hội

Điền chủ: Ở miền Tây Nam Kỳ, xuất thân của tầng lớp điền chủ cũng khá phức tạp. Các điền chủ trong giai đoạn từ đầu đến trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất phần lớn là những cố đạo, công chức, binh lính giải ngũ nên chỉ phát canh thu tô, không thích kinh doanh theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Các điền chủ hoạt động kinh doanh sau năm 1918 với diện tích đồn điền rộng lớn đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nông dân: Đó là công nhân, tá điền thuê ruộng, tá điền làm ruộng. Nếu như địa chủ ngày càng tập trung ruộng đất vào tay mình và trở nên giàu có nhanh chóng

thì ngược lại người nông dân lâm vào thế bần cùng hoá vì phương thức bóc lột của cả phong kiến và tư bản.

Tư sản: Tư sản ở miền Tây Nam Kỳ thường kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ nhiều hơn công nghiệp. Tầng lớp tư sản người Việt thường kinh doanh các ngành công nghiệp nhẹ. Họ học hỏi theo phương thức thức sản xuất mà tư sản Pháp thực hiện.

Công nhân: Ở miền Tây Nam Kỳ, lực lượng công nhân không được đông đảo như ở miền Đông và những xứ thuộc địa khác. Với nền kinh tế nông nghiệp và hoạt động trong các đồn điền chủ yếu bằng hình thức phát canh thu tô, lực lượng công nhân công nghiệp không có điều kiện để phát triển.

Tầng lớp tiểu tư sản: Các tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, những người làm nghề tự do… Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tầng lớp tiểu tư sản có điều kiện tốt để tập hợp nhanh chóng và đông đảo hơn nhưng vẫn không bằng khu vực miền Đông Nam Kỳ, nhất là ở Sài Gòn.

Kinh tế đồn điền đã làm cho miền Tây Nam Kỳ phát triển sung túc. Nhiều đô thị đông đúc mọc lên như Cần Thơ, Phụng Hiệp, Trà Ôn, Long Xuyên, Rạch Giá, Bạc Liêu... Tình hình văn hóa xã hội cũng có những chuyển biến nhất định, nhiều tờ báo, nhiều trường trung học ra đời ở miền Tây Nam Kỳ.

KẾT LUẬN

Thực dân Pháp xâm lược, đặt ách cai trị lên đất Nam Kỳ và tiến hành khai thác thuộc địa đã làm cho khu vực miền Tây có điều kiện phát triển. Với tiềm lực của một nước TBCN, Pháp đã chú trọng đầu tư vốn để phát triển kinh tế nông nghiệp. Quá trình khẩn hoang và thiết lập hệ thống đồn điền bắt đầu diễn ra từ những năm cuối thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Hoạt động sản xuất trong các đồn điền tập trung chủ yếu vào ngành kinh tế nông nghiệp trồng lúa. Để đánh giá những kết quả của quá trình nghiên cứu, luận án đưa ra một số kết luận về quá trình hình thành và phát triển của kinh tế đồn điền, đặc điểm và những tác động của nó đến cơ cấu xã hội miền Tây Nam Kỳ trong giai đoạn này.

Hệ thống kênh đào có vai trò quan trọng đến sự phát triển của kinh tế đồn điền. Kênh đào là một nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ. Các vua đầu của triều Nguyễn đã thấy được tầm quan trọng của kênh đào đối với kinh tế nông nghiệp. Kênh Thoại Hà và Vĩnh Tế đã góp phần quan trọng cho kinh tế miền Tây Nam Kỳ có những bước phát triển thuận lợi. Đất đai canh tác tăng lên khi giải quyết được vấn đề ngập lụt, tháo mặn, rửa phèn. Việc trồng lúa ở đây quan trọng là tiêu nước chứ không phải tưới nước. Khi Pháp thực hiện các cuộc khai thác thuộc địa, kênh đào được chính quyền Đông Dương quan tâm đặc biệt. Kênh đào đến đâu thì đất canh tác xuất hiện đến đó. Hàng ngàn km chiều dài của kênh đào đã được thực hiện từ năm 1874 đến năm 1945. Nhờ hệ thống kênh đào, những đồn điền trồng lúa với diện tích hàng nghìn ha xuất hiện. Thông qua các hoạt động sản xuất, vận chuyển lúa gạo xuất khẩu trong các đồn điền đều có thể thấy được vai trò quan trọng của hệ thống kênh đào đối với kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ.

Quá trình hình thành và phát triển của kinh tế đồn điền diễn ra nhanh chóng với nhiều thành quả. Việc đầu tư nguồn tài chính lớn vào miền Tây Nam Kỳ để khẩn hoang và thành lập đồn điền đã nhanh chóng mang lại lợi nhuận cho thực dân Pháp.

Chính sách cấp nhượng đất ưu tiên cho tầng lớp tư sản Pháp và điền chủ người Việt của chính quyền thuộc địa đã tạo điều kiện cho họ khẩn hoang, lập đồn điền với diện tích lớn. Những đồn điền lớn trên 300 ha ở miền Tây Nam Kỳ chiếm số lượng lớn hơn nhiều so với Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Việc xuất khẩu lúa gạo cho thấy vai trò quan trọng của các đồn điền trồng lúa. Sản lượng xuất khẩu tăng dần qua từng năm và đến những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, miền Tây Nam Kỳ là trung tâm xuất khẩu lúa gạo chủ yếu của Đông Dương.

Đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ có nhiều đặc điểm khác biệt so với đồn điền ở các xứ thuộc địa khác trong Liên bang Đông Dương. Các đồn điền chủ yếu sản xuất một loại hàng hóa, đó là lúa gạo. Trong khi các đồn điền ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ hoạt động trong nhiều lĩnh vực, trồng nhiều loại cây trồng như lúa, cà phê, chè, cao su, thuốc lá... có cả những đồn điền chăn nuôi gia súc. Việc tập trung vào cây lúa của các đồn điền bởi vì điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng phù hợp. Không có loại cây trồng nào so được với cây lúa về giá trị kinh tế. Việc sở hữu ruộng đất lớn là một điểm khác biệt trong kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ so với các khu vực khác. Do đất đai rộng lớn và nguồn nhân công không ổn định, các đồn điền trồng lúa chủ yếu thực hiện phát canh thu tô, số lượng nhân công trả lương công nhật hoặc lương tháng chiếm tỉ lệ thấp hơn so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Những yếu tố TBCN đã xuất hiện trong hoạt động sản xuất của hệ thống đồn điền. Các điền chủ người Pháp tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo phương thức TBCN. Các đồn điền lớn của tư sản Pháp thường được chia thành nhiều lot, mỗi lot giao cho một người người trung gian nhận lãnh với một mức địa tô nhất định. Người này cho nông dân tá điền phát canh thu tô với mức địa tô cao hơn mức điền chủ giao cho họ. Đây là kiểu bóc lột vắng mặt, được thực hiện rất nhiều trong các đồn điền lớn của tư sản Pháp. Phát canh thu tô là hình thức bóc lột chính của tầng lớp điền chủ, tức là vẫn bóc lột theo kiểu phong kiến. Kinh tế TBCN không có đủ điều điện để phát triển mạnh ở miền Tây Nam Kỳ.

Kinh tế đồn điền tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế và xã hội ở miền Tây Nam Kỳ. Kinh tế đồn điền phát triển ở miền Tây Nam Kỳ kéo theo sự phát triển trên

các lĩnh vực kinh tế khác. Việc chế biến, vận chuyển lúa gạo làm cho ngành kinh tế công nghiệp và thương nghiệp có những chuyển biến mới. Công nghiệp nhẹ mà nhất là ngành công nghiệp xay xát lúa gạo có điều kiện phát triển khá nhanh. Do nhu cầu đảm bảo chất lượng gạo nên tầng lớp điền chủ chế biến gạo trước khi xuất khẩu, dẫn đến sự xuất hiện của nhiều nhà máy xay xát lúa ở miền Tây.

Những chuyển biến nhanh chóng về cơ cấu kinh tế kéo theo những thay đổi tình hình xã hội. Hai giai cấp chính trong giai đoạn này ở miền Tây Nam Kỳ vẫn là địa chủ và nông dân. Nông dân ở miền Tây Nam Kỳ, chiếm đa số là thành phần tá điền, cuộc sống bấp bênh vì mức tô thuế nặng. Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên ở miền Tây Nam Kỳ thuận lợi, nhiều sản vật nên cuộc sống của họ cũng chưa đến nỗi lâm vào bước đường cùng. Việc làm tá điền cũng không cố định, những năm mất mùa đói kém thì nhiều khả năng họ bỏ trốn khỏi các đồn điền, đi tìm những đồn điền khác tiếp tục xin làm tá điền. Điền chủ làm giàu nhanh chóng từ việc kinh doanh đồn điền. Họ có cuộc sống xa hoa tại các đô thị lớn. Những tầng lớp khác như công nhân, tư sản, trí thức...ở miền Tây Nam Kỳ ngày càng đông nhưng không phát triển mạnh như khu vực miền Đông Nam Kỳ.

Kinh tế đồn điền đã để lại những bài học kinh nghiệm, những giá trị thực tiễn quan trọng. Việc quy hoạch và thực hiện hệ thống kênh đào của chính quyền thuộc địa đến nay vẫn cho thấy giá trị thực tiễn. Những kênh đào ở miền Tây Nam Kỳ hiện nay vẫn là con đường giao thông huyết mạch và những đầu mối của kinh tế nông nghiệp. Hệ thống kênh đào vẫn đang góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa... của khu vực Tây Nam Bộ trong điều kiện lịch sử hiện tại.

Việc khẩn hoang lập đồn điền trồng lúa đã biến miền Tây Nam Kỳ trở thành nơi sản xuất lúa gạo lớn nhất Đông Dương. Việc cải tiến các giống lúa cũng được thực hiện thường xuyên đã cho ra đời những giống lúa mới. Ngày nay, trồng lúa vẫn là ngành kinh tế chính của người dân vùng hạ châu thổ Cửu Long. Kinh nghiệm truyền thống vẫn tiếp tục được giữ gìn và phát huy những yếu tố tích cực trong việc canh tác. Các yếu tố nước, phân, cần, giống luôn là bài học quý báu trong kinh tế nông nghiệp.

Việc sử dụng những phương tiện khoa học kỹ thuật trong các đồn điền đến nay vẫn còn phát huy giá trị. Người dân miền Tây Nam Kỳ đã tiếp cận sớm với văn minh công nghiệp phương Tây. Đó là những chiếc xáng múc, những chiến tàu chạy bằng máy hơi nước, những chiếc máy cày hoạt động trên đồng ruộng...Quá trình tiếp xúc với văn hóa phương Tây đã dần dần hình thành tính cách của người dân miền Tây Nam Kỳ. Nhiều phát minh sáng chế, máy móc phục vụ cho kinh tế nông nghiệp tiếp tục ra đời ở miền Tây Nam Bộ hiện nay.

Kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ đã giúp vùng đất này từ một nơi hoang hóa, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt thành một vùng châu thổ trù phú với những cánh đồng lúa bạt ngàn và những vườn cây sai quả. Những giá trị kinh tế từ những năm đầu thế kỉ XX đến nay vẫn tiếp tục phát triển với nhiều thành tựu mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Minh Thuận (2016), Việc khẩn hoang ở tỉnh Cần Thơ đầu thế kỉ XX, *Tạp chí Xưa & Nay,* ISSN 868 – 331X, số 478, tr. 24 – 27.
2. Trần Minh Thuận (2017), Giảng dạy chuyên đề Kinh tế miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, ISSN 1859 – 0810, số 149, tr. 35 – 38.
3. Trần Minh Thuận (2017), Vấn đề nhân công đồn điền ở miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX, *Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn*, ISSN 1859 – 3208, số 32, tr. 46 – 57.
4. Trần Minh Thuận (2017), Miền Tây Nam Kỳ thời Pháp thuộc-Sự tiếp xúc văn hóa dưới góc nhìn từ hệ thống kênh đào, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tr. 20 – 32.
5. Trần Minh Thuận (2018), Hoạt động kinh tế trong các đồn điền do người Pháp sở hữu ở miền Tây Nam Kỳ nửa đầu thế kỉ XX, *Hội thảo khoa học quốc tế, Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên môn lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa*,Trường Đại học sư phạm Hà Nội, tr. 599 – 610.
6. Trần Minh Thuận (2018), Vấn đề ruộng đất và các cuộc đấu tranh tự phát của nông dân ở tỉnh Bạc Liêu thời Pháp thuộc, *Tạp chí khoa học Đại học Thái Nguyên*, ISSN 1859 – 2171, tr. 15 – 20.
7. Trần Minh Thuận (2018), Vấn đề kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Châu Đốc nửa đầu thế kỉ XX, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, ISSN 1859 – 2333, Tập 54, số 3C, tr.223 – 228.